



KHAI THÁC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Cao Mỹ Khanh¹ và Nguyễn Đức Toàn²

¹Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

²Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 22/10/2015

Ngày chấp nhận: 23/05/2016

Title:

Exploiting intangible cultural heritage to develop tourism in the Mekong Delta

Từ khóa:

Di sản văn hóa, Di sản văn hóa phi vật thể, tài nguyên du lịch, Đồng bằng sông Cửu Long

Keywords:

Cultural heritage, Intangible cultural heritage, Tourism resources, MeKong Delta

ABSTRACT

Over more than 300 years of development, the Mekong Delta maintains a thickness of traditional cultural values of ethnic groups such as Kinh, Cham, Chinese, Khmer with nuances, characteristics delta's unique. The cultural heritage in the MeKong Delta has not only educated human personality but also promoted the roles, potentials and strengths in tourism activities. The tangible cultural heritage and especially intangible cultural heritage such as type of performing arts, customs, traditions, religious beliefs, cuisine, festivals, craft villages and so on are the core elements making up the appeal and uniqueness to attract domestic and foreign tourists to the Mekong Delta. In this article, we will focus on analyzing a number of intangible cultural heritages in the MeKong Delta and propose some approaches to exploit more effectively in tourism activities, contribute to preserving and promoting intangible cultural values of the region.

TÓM TẮT

Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hiện đang lưu giữ một bề dày giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc Kinh, Chăm, Hoa, Khmer với những sắc thái riêng, đặc trưng của vùng đồng bằng sông nước. Các di sản văn hóa (DSVH) ở ĐBSCL không chỉ có giá trị trong việc giáo dục tri thức, hình thành nhân cách con người mà còn đã và đang phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh của mình trong hoạt động du lịch. Những DSVH, đặc biệt là DSVH phi vật thể như các loại hình trình diễn nghệ thuật, phong tục, tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, ẩm thực, lễ hội, làng nghề... đều là những yếu tố cốt lõi tạo nên sự hấp dẫn và độc đáo để thu hút du khách trong và ngoài nước đến với ĐBSCL. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích một số DSVH phi vật thể nổi bật ở ĐBSCL và đề xuất những phương hướng nhằm khai thác có hiệu quả trong hoạt động du lịch, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống của địa phương.

Trích dẫn: Cao Mỹ Khanh và Nguyễn Đức Toàn, 2016. Khai thác di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương trong phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 43c: 10-18.

1 GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một bộ phận của châu thổ sông Mê Kông, có vị trí nằm liền kề vùng Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan, phía Đông giáp biển Đông. Hiện nay, ĐBSCL bao gồm 13 tỉnh, thành phố: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và Thành phố Cần Thơ. Diện tích tự nhiên của vùng gần 40.000 km² với hơn 17 triệu dân, chiếm 1/5 dân số của cả nước (Theo số liệu của

Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2011, tổng diện tích các tỉnh thuộc ĐBSCL là 40.548,2 km² và tổng dân số của các tỉnh trong vùng là 17.330.900 người). Đây là vùng châu thổ phì nhiêu được bồi đắp phù sa của dòng sông Tiền và sông Hậu, đất đai màu mỡ, đồng lúa bạt ngàn, trái cây bốn mùa trĩu quả, hệ thống sông rạch chằng chịt, đa dạng sinh học cao với các khu rừng nguyên sinh, đất ngập nước... đặc biệt khí hậu nắng ấm quanh năm, không bão tố nên rất thuận lợi để phát triển du lịch, bởi du khách có thể đến tham quan thời gian nào cũng được.



Hình 1: Bản đồ hành chính ĐBSCL

Nguồn: Tác giả, 2015

ĐBSCL được hình thành và phát triển trong hơn 300 năm, là nơi hội tụ những đặc trưng chung của văn hóa dân tộc, đồng thời cũng là nơi dung hợp và hình thành những đặc điểm rất riêng của vùng đất mới. Những giá trị văn hóa vừa phản ánh cái chung, vừa khẳng định tính riêng của vùng được tích hợp qua thời gian đã trở thành di sản văn hóa (DSVH), rồi tiếp tục được kế thừa, phát huy và phát triển để trở thành bản sắc văn hóa vùng châu thổ sông Cửu Long.

Trong quá trình khai phá và định cư ở ĐBSCL, các bậc tiền nhân đã để lại kho tàng DSVH bao gồm cả DSVH vật thể và DSVH phi vật thể phong phú và đa dạng, in đậm dấu ấn tự nhiên và lịch sử của vùng đất này. Đây là nơi chung sống thuận hòa

của nhiều cộng đồng dân tộc anh em Việt, Hoa, Khmer, Chăm... Nhiều di sản của vùng không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn được du khách quốc tế biết đến như: Đờn ca tài tử; Lễ hội vía Bà Chúa Xứ (An Giang); Lễ hội truyền thống Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực (Kiên Giang); Chợ nổi ở Cái Răng (Cần Thơ); Nghề làm bánh xèo ở Bình Thủy (Cần Thơ)... Nhiều di sản gắn liền với các huyền thoại, các sự kiện lịch sử như di tích miếu Bà Chúa Xứ, lễ hội Nghinh Ông, lễ hội Gò Tháp, lễ giỗ Bùi Hữu Nghĩa,... Bên cạnh đó còn có một số di sản nằm ở những vị trí có cảnh quan thiên nhiên đẹp như vịnh Hà Tiên (Kiên Giang), núi Sam (An Giang)... Điều đó càng làm tăng thêm giá trị của di sản. Sự đa dạng, phong phú của các DSVH chính là cơ sở, là tiền đề tạo nên sự phong phú của các

sản phẩm du lịch. Trong đó, các DSVH phi vật thể của vùng được đánh giá là có nhiều lợi thế để đẩy mạnh phát triển du lịch, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Các tư liệu về DSVH phi vật thể ở ĐBSCL được thu thập từ các nguồn: sách, báo, các báo cáo khoa học, internet... Các phương pháp so sánh, đánh giá, tổng hợp được thực hiện để xử lý các nguồn dữ liệu này nhằm tiếp nhận những thông tin, nhận định có giá trị và phù hợp với vấn đề nghiên cứu.

2.2 Phương pháp khảo sát thực tế

Việc khảo sát thực tế một số di sản phi vật thể nổi bật của ĐBSCL như lễ hội, làng nghề, chợ nổi... giúp có những đánh giá xác thực về tiềm năng cũng như thực trạng khai thác. Qua đó góp phần làm những kiến nghị, đề xuất được hợp lý và thiết thực.

2.3 Phương pháp phỏng vấn

Thực hiện phỏng vấn một số đối tượng: khách du lịch, cán bộ, chuyên viên thuộc các sở, ngành và các công ty du lịch ở ĐBSCL. Từ đó có những phân tích, đánh giá nhằm đưa ra bức tranh chung về hiện trạng, cũng như có cơ sở xây dựng giải pháp cho việc khai thác DSVH phi vật thể trong hoạt động du lịch của vùng được hiệu quả hơn.

3 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1 Khái niệm DSVH phi vật thể

Theo Điều 4, Chương 1 Luật Di sản văn hóa (2013) “Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác” (Luật Di sản văn hóa, 2013).

DSVH phi vật thể là một bộ phận của di sản văn hóa, là những sản phẩm tinh thần quý giá của cộng đồng, dân tộc được gìn giữ và bảo tồn qua từng thời kỳ lịch sử. DSVH phi vật thể bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết và nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

3.2 Tiềm năng khai thác DSVH phi vật thể ở ĐBSCL trong phát triển du lịch

DSVH phi vật thể ở ĐBSCL là toàn bộ những giá trị văn hóa tinh thần do con người tại địa phương đó sáng tạo, nó được lưu truyền và biến đổi qua thời gian, với một số quá trình tái tạo của đông đảo cộng đồng. Trong quá trình hình thành và phát triển, cư dân ĐBSCL không chỉ bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa của cha ông trên vùng đất mới mà còn phát huy, sáng tạo nên các giá trị văn hóa vô giá làm hành trang cho các thế hệ hôm nay, nhất là các giá trị DSVH phi vật thể. Bên cạnh DSVH vật thể, DSVH phi vật thể ở ĐBSCL vô cùng phong phú và đa dạng thuộc các lĩnh vực. Cụ thể:

3.2.1. Văn hóa sông nước và chợ nổi

ĐBSCL là vùng đồng bằng châu thổ với hệ sông sông ngòi chằng chịt. Đặc điểm tự nhiên cũng đã làm ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hình thành nền văn hóa sông nước nơi đây. Phương thức diễn đạt của người dân chủ yếu là dùng những hình ảnh, hoạt động, tính chất có liên quan đến vùng sông rạch để so sánh hoặc tạo ra lối nói ẩn dụ hoặc hoán dụ. Chẳng hạn thay vì gọi là anh em rê thì người dân gọi là anh em cột chèo; lớn và rông dùng để chỉ chu kỳ của con nước cũng được dùng để hình dung những giai đoạn thăng trầm của con người...

Văn hóa sông nước còn thể hiện ở nét văn hóa miệt vườn. Vườn tược nơi đây được tập trung lại với nhau thành không gian rộng lớn thành những vườn cây trái xanh mướt với những loại trái đặc trưng như: sầu riêng, nhãn, vú sữa, chôm chôm... Du lịch miệt vườn không phải là điều mới lạ đối với du khách người Việt nhưng lại rất hấp dẫn với du khách nước ngoài bởi du lịch ở đây tập trung đi vào khai thác thiên nhiên sông nước và đời sống dân dã. Mùa nào thức ấy cùng với sự màu mỡ của phù sa hai bờ sông Tiền, sông Hậu đã góp phần tạo nên sự nổi tiếng của cây trái nơi đây: Vĩnh Long với đặc sản bưởi Năm Roi, chôm chôm, long nhãn; Tiền Giang nổi tiếng với vú sữa Lò Rèn, sầu riêng Cái Mơn; hay thành phố Cần Thơ đậm đà với những vườn dâu Hạ Châu Phong Điền... Tận mắt ngắm nhìn những vườn cây trĩu quả, thưởng thức hương vị ngọt ngào thơm ngon của cây trái miền sông nước, lắng nghe vọng cổ, cải lương... đó chính là những sản phẩm du lịch đặc trưng và hấp dẫn trong các chương trình du lịch miền Tây.

Văn hóa sông nước còn hình thành nên nét sinh hoạt đặc trưng mà không nơi nào ở Việt Nam có được, đó là chợ nổi. Thăm chợ nổi, du khách mới

thấy được sự sung túc của đời sống nơi miền sông nước. Chợ là nơi mua bán thật sự của người dân địa phương, họ đến để trao đổi sản vật... Ghe xuồng được trang trí khác nhau theo từng địa phương và những người thương hồ treo sản vật muốn bán tương trưng trên các cây bèo. Có nhiều chợ nổi ở ĐBSCL được hình thành từ lâu đời và hiện nay đã được khai thác vào trong hoạt động du lịch như chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ), chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Phụng Hiệp (Hậu Giang)... Tạp chí du lịch Rough Guide (Anh) đã bình chọn chợ nổi Cái Răng là một trong 10 khu chợ ấn tượng nhất thế giới, và được mô tả là điểm đặc biệt lạ mắt với các thuyền bán hàng “rực rỡ sắc màu nhiệt đới”. Trang web youramazingplaces cũng đưa ra danh sách 6 chợ nổi đẹp nhất châu Á, trong đó có đề cập đến chợ nổi của khu vực ĐBSCL, mà chợ nổi Cái Răng là một điển hình (<http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&ca tid=2041&id=155802>).

3.2.1 Các lễ hội truyền thống

Lễ hội là một nét văn hóa đặc sắc, phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả, hoặc là dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử của đất nước, hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc chỉ đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi, giải trí. Do vậy, lễ hội có tính hấp dẫn cao đối với du khách.

Hiện nay, ĐBSCL có 1.234 lễ hội, trong đó lễ hội dân gian chiếm số lượng cao nhất 856 (69,36%), 262 lễ hội tôn giáo (21,23%), 107 lễ hội lịch sử cách mạng (8,67%) và 9 lễ hội khác (0,72%) (Nguyễn Xuân Hồng, 2009). Một số lễ hội cấp quốc gia tiêu biểu của vùng có thể kể đến như Lễ hội vía Bà chúa xứ Núi Sam (Châu Đốc, An Giang), lễ hội kỷ niệm anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá, Kiên Giang), Lễ hội Nghinh Ông (Cà Mau)... Ngoài ra, với nét đặc sắc về văn hóa của mình, các dân tộc Hoa, Khmer, Chăm cũng đa dạng về hệ thống lễ hội, tiêu biểu như Lễ hội Oc Om Bok, Lễ Sen Dolta và hội đua bò Bảy Núi của người Khmer, lễ Ramadan, Roya của người Chăm, lễ cúng Bà Thiên Hậu của người Hoa...

Kho tàng lễ hội phong phú và độc đáo của các dân tộc ở ĐBSCL không chỉ có giá trị như những DSVH phi vật thể cần được bảo tồn và phát huy để phục vụ đời sống tinh thần, tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng cư dân mà nó còn là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn hoàn toàn có thể khai thác

chúng thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn, độc đáo phục vụ cho du khách trong và ngoài nước.

3.2.2 Nghề và làng nghề truyền thống

ĐBSCL vốn có tiềm năng du lịch làng nghề. ĐBSCL hiện có hàng trăm làng nghề truyền thống hay mới hình thành. Các làng nghề là nguồn tạo công ăn việc làm cho lao động tại chỗ đồng thời cũng là tài nguyên để hình thành nên sản phẩm du lịch. Các làng nghề truyền thống như làng kiếng Mai vàng Phước Định (Long Hồ, Vĩnh Long), làng Hoa kiếng Vĩnh Thành (Chợ Lách, Bến Tre), làng nghề tu thờ Gò Công (Tiền Giang), làng dệt chiếu Long Định, làng bưng buồng Thân Cửu Nghĩa (Châu Thành, Tiền Giang)... Một số làng nghề trở thành điểm tham quan chính trong các chương trình du lịch tại địa phương, có thể kể đến làng nghề sản xuất nước mắm truyền thống Phú Quốc, làng hoa Sa Đéc (Đồng Tháp), làng nghề bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc (Bến Tre)... Các làng nghề này, ngoài uy tín thương hiệu truyền thống, còn có một lực lượng lao động đông đảo có tay nghề cao nên việc duy trì và phát triển làng nghề có được sự phát triển ổn định. Bên cạnh đó, làng nghề bánh tráng, hay các cơ sở sản xuất kẹo dừa, bánh, cốm ở Bến Tre, Tiền Giang cũng là những điểm đến của khách du lịch. Họ không chỉ tham quan quy trình sản xuất, thẩm nhận các giá trị văn hóa, mua sắm các sản phẩm đặc trưng nơi mình đến mà còn có cơ hội trải nghiệm để tạo ra những sản phẩm này.

Mỗi làng nghề có một loại sản phẩm riêng biệt đặc trưng cho mỗi tỉnh trong vùng. Một số tỉnh ở vùng ĐBSCL có thể nắm bắt các cơ hội từ phát triển du lịch địa phương, thu hút khách du lịch bằng các mặt hàng thủ công mỹ nghệ đặc biệt của mình. Ngược lại khách du lịch cũng có thể giúp quảng bá cho làng nghề thủ công truyền thống một cách rất hiệu quả.

Ngoài sự đóng góp về kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, là điểm đến trong các chương trình du lịch, làng nghề truyền thống ĐBSCL hiện đang gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa - lịch sử về đất nước và con người vùng miệt vườn sông nước.

3.2.3 Các loại hình nghệ thuật trình diễn

Các loại hình nghệ thuật trình diễn không chỉ đơn thuần là những sản phẩm mang tính giải trí thuần túy mà nó chứa đựng nhiều giá trị văn hóa sâu sắc. Vì vậy, từ lâu nhiều nước trên thế giới đã xem đây là những sản phẩm du lịch có sức hút mạnh mẽ đối với du khách. Thông qua chương

trình nghệ thuật, du khách có thể hiểu phần nào đời sống văn hóa tinh thần của một dân tộc, đồng thời dần đưa nghệ thuật trình diễn thành những sản phẩm du lịch đủ sức thu hút du khách.

ĐBSCL là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa độc đáo của bốn dân tộc anh em Kinh, Hoa, Khmer, Chăm. Với những nét đặc trưng trong văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc đã góp phần tạo nên bức tranh văn hóa nghệ thuật sinh động đầy màu sắc trên mảnh đất này. Với người Khmer, âm nhạc, múa, sân khấu... không chỉ tồn tại trong lễ hội dân tộc mà còn có mặt trong những sinh hoạt đa dạng khác của cuộc sống, có thể kể đến là hát Dù Kê, sân khấu cổ Rô băm, múa Lâm Thol, múa trống... Người Chăm An Giang nổi tiếng với dân ca Chăm và biểu diễn kèn Saranai, trống Pà nà, trống Paranung theo phong cách Hồi giáo. Người Hoa độc đáo với nghệ thuật múa Dù, múa Quạt, múa Lân Sư Rồng, hát Hồ Quảng. Người Kinh nổi tiếng với cải lương, các điệu hò và đặc biệt là Đờn ca tài tử. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, phong trào đờn ca tài tử vẫn được duy trì và phát triển rộng khắp; nó trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của mỗi cư dân miền sông nước. Ngày 05/12/2013 đánh dấu bước phát triển vượt bậc của đờn ca tài tử khi được UNESCO công nhận là DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại và là một sản phẩm du lịch không thể thiếu trong các chương trình du lịch, giúp du khách khám phá những điều thú vị trong hành trình tham quan của họ, song song đó góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị độc đáo của Đờn ca tài tử trong thời điểm hiện nay.

Những loại hình nghệ thuật kể trên, nó không chỉ đáp ứng nhu cầu thưởng thức của người dân địa phương mà còn vươn mình ở một vai trò góp phần quảng bá giá trị nghệ thuật truyền thống của mỗi dân tộc tới du khách trong nước và quốc tế.

3.2.4 Các giá trị văn hóa ẩm thực

Hoàn cảnh lịch sử - xã hội, điều kiện địa lý - tự nhiên là những yếu tố tác động sâu sắc đến ẩm thực của vùng ĐBSCL. Ẩm thực nơi đây vừa là truyền thống vừa có sự tiếp biến với các yếu tố văn hóa ẩm thực riêng biệt của tộc người Kinh, Chăm, Khmer, Hoa tạo nên những nét đa dạng, đặc sắc và không bị nhầm lẫn với ẩm thực của các vùng miền khác. Chẳng hạn món canh chua, bún nước lèo hay lẩu mắm đặc trưng của Nam Bộ vốn có nguồn gốc từ người Khmer nhưng đã được tiếp thu và cải biến cho hợp với khẩu vị của người Việt, hiện nay đã trở thành thương hiệu đặc sản của vùng.

Những yếu tố về lịch sử liên quan đến quá trình khai khẩn miền đồng bằng sông nước này với các lớp cư dân đầu tiên đến từ Bắc Bộ và Trung Bộ góp phần giúp cho ẩm thực của nơi đây vẫn lưu giữ tập tục ăn uống cổ truyền thông qua hình thức cúng việc lễ với món cá nấu ươm, đồng thời cũng có sự cải tiến món ăn cho phù hợp với điều kiện môi trường mới như món bánh xèo là dị bản của món bánh khoái (bánh khoái) miền Trung (Ngô Đức Thịnh, 2010).

Với điều kiện địa lý - tự nhiên, địa hình đa dạng khiến nền ẩm thực ĐBSCL có nhiều món ăn có nguồn gốc từ núi, biển, đồng bằng và sông rạch. Với nguồn lợi thủy sản dồi dào hình thành cho người dân kỹ thuật chế biến rất phong phú như làm các món mắm (mắm thái Châu Đốc, mắm ruột cá Đồng Tháp, mắm ruốc Kiên Giang...), làm khô các loại cá đồng, các biển (khô các lóc, cá tra, cá khoai, khô mực...), đặc biệt hơn, họ còn sử dụng phương pháp ủ cá để tạo nên nước mắm - một gia vị không thể thiếu trong bữa cơm người Kinh ở ĐBSCL, nổi tiếng có nước mắm Phú Quốc, nước mắm Hòn Sơn.

Đặc biệt, cứ mỗi dịp mùa nước nổi tràn về, du khách lại có dịp thưởng thức những món ăn đặc trưng cho mùa nước nổi nơi đây, đó là các món được chế biến từ cá linh như cá linh kho mía, canh chua cá linh bông điên điển, bông súng trắng và nhiều món ăn hấp dẫn khác... Đơn giản nhưng mang lại những nét chấm phá thú vị cho ẩm thực của vùng.

Không chỉ có ẩm thực của người Kinh, những món đặc sản của các dân tộc Hoa, Khmer, Chăm đã và đang làm giàu thêm cho ẩm thực của vùng đất này. Các món tung lò mò, cà ri, cà púa, cơm nị của người Chăm; bún nước lèo, lẩu mắm, canh xiêm lo của người Khmer hay các món bánh của người Hoa đã tạo nên những nét riêng, sắc thái riêng cho miền đồng bằng sông nước.

3.3 Thực trạng khai thác DSVH phi vật thể trong phát triển du lịch ở ĐBSCL

Những năm gần đây các địa phương ĐBSCL đã quan tâm đầu tư về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật cho du lịch khá tốt. Đầu tư nâng cấp hệ thống 4 sân bay, trong đó có 2 cảng hàng không quốc tế là Cần Thơ và Phú Quốc, tạo điều kiện thu hút du khách đến tìm hiểu các sản phẩm du lịch văn hóa cũng như các sản phẩm du lịch đặc trưng khác của vùng. Các khách sạn cao cấp từ 3 đến 5 sao đã được xây dựng đưa vào khai thác ở một số địa phương và các điểm du lịch lớn trong vùng, đáp ứng đầy đủ nhu

cầu lưu trú cho du khách. Theo số liệu từ Tổng cục Du lịch, năm 2014 toàn vùng đã đón được hơn 22,4 triệu lượt khách, trong đó có 1,83 triệu lượt khách quốc tế, với thu nhập từ du lịch đạt 6.360 tỉ đồng.

Trong thời gian qua, vấn đề khai thác DSVH phi vật thể tại ĐBSCL đã đạt được một số thành tựu và còn tồn tại hạn chế, yếu kém:

3.3.1 Thành tựu

ĐBSCL ngoài với các sản phẩm du lịch đặc trưng như du lịch sinh thái miệt vườn, biển đảo thì các sản phẩm du lịch văn hóa như lễ hội, làng nghề,... cũng là những sản phẩm thu hút khách du lịch. Theo số liệu từ Tổng cục Du lịch, chỉ trong quý I năm 2015, ĐBSCL đã đón 7.357.177 lượt khách đến tham quan du lịch, tăng 20,9% so với cùng kỳ. Trong đó, có 540.175 lượt khách quốc tế, tăng 14,4% so với cùng kỳ. Đạt doanh thu 2.012 tỷ đồng, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm 2014. Trong số các địa phương trong vùng, các tỉnh Đồng Tháp, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Hậu Giang là các địa phương có tỷ lệ tăng trưởng về lượt khách rất ấn tượng. Địa phương thu hút khách đến tham quan du lịch nhiều nhất là An Giang với hơn 2,6 triệu lượt khách chủ yếu là khách tham quan lễ hội (<http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/14324>). Đặc biệt, năm du lịch quốc gia 2016 sẽ được tổ chức tại tỉnh Kiên Giang và vùng ĐBSCL, đây được xem là cơ hội để các DSVH phi vật thể tại địa phương được quảng bá rộng rãi đến du khách trong và ngoài nước.

ĐBSCL với nguồn DSVH phi vật thể đầy giá trị và có sức hấp dẫn, thời gian qua, nguồn tài nguyên này đã được các ngành các cấp quan tâm khai thác vào phục vụ du lịch. Hiện tại, một số lễ hội như Lễ hội vía Bà Chúa Xứ (An Giang), lễ hội truyền thống Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực (Kiên Giang), lễ hội Oc Om Bok - Đua ghe ngo (Sóc Trăng), hội Đua bò Bảy núi (An Giang) luôn có sự tham gia đông đảo khách du lịch hàng năm. Ước tính hàng năm các lễ hội này có khoảng 2,5 triệu người tham dự. Theo sự đánh giá của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2010), trong thời gian gần đây khách du lịch lễ hội dân gian vùng ĐBSCL phát triển nhanh, chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng cơ cấu khách du lịch, đã thu hút lượng lớn du khách tham dự.

Du lịch chợ nổi từ lâu đã trở thành sản phẩm đặc trưng của vùng đồng bằng sông nước, tiêu biểu là chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ) và chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang). Thống kê của Trung tâm du lịch Quận Cái Răng cho thấy, mỗi ngày bình quân chợ

nổi đón khoảng 500 - 700 lượt khách tham quan; trong đó phần lớn là khách nước ngoài. Những ngày lễ, tết, cao điểm lượng khách có thể lên đến trên 1.000 người.

Nghề, làng nghề truyền thống của địa phương được duy trì và phát triển như nghề trồng hoa, nghề làm bánh mứt... Một số làng nghề, cơ sở sản xuất được khai thác trở thành địa điểm tham quan chính trong các chương trình du lịch ở ĐBSCL như: Làng chài Hàm Ninh (Phú Quốc), làng nghề sản xuất nước mắm (Phú Quốc), làng hoa Sa Đéc (Đồng Tháp), các cơ sở sản xuất bánh trắng, kẹo dứa ở Tiền Giang, Bến Tre,...

Văn hóa ẩm thực ĐBSCL ngày càng được quảng bá rộng rãi trong nước và thế giới. Năm 2007, món ăn truyền thống bánh xèo, món ăn chân chất hồn quê Nam Bộ đã từng được bà Nguyễn Thị Xiêm biểu diễn tại lễ hội đời sống dân gian Smithsonian (Mỹ), nay đã trở thành thương hiệu. Không chỉ thế, Lễ hội bánh dân gian Nam Bộ - thương hiệu du lịch của Tp. Cần Thơ được tổ chức thường niên ngày càng thu hút đông đảo dân địa phương và khách du lịch.

Các loại hình nghệ thuật cũng không ngừng được quảng bá, bảo tồn và phát triển. Các câu lạc bộ Đờn ca tài tử được hình thành phục vụ cho việc duy trì gìn giữ di sản nghệ thuật nhân loại, đồng thời phục vụ cho nhu cầu thưởng thức của du khách. Các đoàn nghệ thuật ca múa hát nghệ thuật Khmer được quan tâm, đầu tư và trình diễn ở nhiều địa điểm phục vụ cho du khách. Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ cứ 3 năm tổ chức một lần, luân phiên trên địa bàn các tỉnh, thành ĐBSCL là dịp quảng bá các giá trị nghệ thuật truyền thống tới du khách trong nước và quốc tế.

3.3.2 Hạn chế

Sự phát triển hoạt động du lịch ở các chợ nổi trong những năm gần đây mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng địa phương, tạo ra thu nhập, phát triển sản phẩm vùng. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác các chợ nổi trong hoạt động du lịch hiện nay phải đối mặt nhiều vấn đề khác nhau như chưa xây dựng được sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với chợ nổi. Nhìn chung các hoạt động du lịch chợ nổi trong thời gian qua là đưa du khách tham quan hoạt động mua bán, sinh hoạt của cư dân thương hồ, mua và thưởng thức các sản vật địa phương kết hợp tham quan làng nghề, vườn cây ăn trái, nghe Đờn ca tài tử. Điều này dẫn đến trùng lặp sản phẩm ở các địa phương có chợ nổi, chính vì vậy chưa thu

hút và gây nhàm chán cho du khách. Ngoài ra, công tác quy hoạch, quản lý và gìn giữ môi trường chợ nổi chưa chặt chẽ. Ô nhiễm môi trường tại chợ nổi không chỉ là hậu quả từ công việc buôn bán mà còn từ sinh hoạt của những gia đình trên ghe. Những người tham gia mua bán chưa có ý thức giữ gìn môi trường sống, điều này làm ảnh hưởng đến hình ảnh của chợ nổi trong mắt của khách du lịch.

Các lễ hội được đưa vào khai thác du lịch ở ĐBSCL vẫn chưa nhiều, chưa thu được kết quả mong đợi. Đa phần các lễ hội được tổ chức ở các nơi xa xôi, trong phạm vi làng xã, giao thông không thuận lợi dẫn đến du khách khó tiếp cận. Thời điểm tổ chức lễ hội không phải vào mùa du lịch nên lượng khách đến tham quan chiêm bái không nhiều, nội dung lễ hội kém đặc sắc, không thu hút được du khách, công tác quảng bá về lễ hội chưa được chú trọng đầu tư. Một số lễ hội mang tầm quốc gia như Lễ hội vía Bà chúa xứ Núi Sam, Lễ hội truyền thống Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực,... thì công tác quản lý an ninh, trật tự còn nhiều yếu kém. Tình trạng đeo bám khách bán nhang đèn, vé số, xin tiền, nói thách còn khá phổ biến. Điều này làm cho du khách, nhất là khách quốc tế không thoải mái, thậm chí khó chịu.

Mặc dù có rất nhiều làng nghề truyền thống ở ĐBSCL, nhưng chỉ một số ít làng nghề được đưa vào hệ thống chương trình của các công ty du lịch bởi chất lượng làng nghề kém, đơn điệu không thu hút được sự quan tâm của du khách. Bên cạnh đó, một số mặt hàng mỹ nghệ bị hạn chế bởi tính hữu dụng, sản phẩm quá công kênh không thuận tiện, một số sản phẩm kém chất lượng gây mất lòng tin cho du khách.

Việc trình diễn và chất lượng chuyên môn của các ban nhạc Đờn ca tài tử ở một số điểm du lịch miền Tây ngày càng mờ nhạt và nhàm chán. Một số cơ sở kinh doanh du lịch do chạy đua theo yêu cầu dịch vụ đã khiến cho các nghệ nhân, tài tử không còn thời gian để có thể giao lưu, luyện ngón đờn, giọng ca, tạo cảm xúc khi ứng tấu và sáng tạo. Bên cạnh đó, một số loại hình nghệ thuật dân tộc Khmer, Chăm, Hoa, trên thực tế vẫn chưa được khai thác đúng mức trong hoạt động du lịch. Việc khai thác và sử dụng không đúng, sử dụng thiếu trân trọng và giữ gìn các di sản này đang là vấn nạn trong tổ chức trình diễn nghệ thuật dân tộc và hoạt động du lịch ở ĐBSCL hiện nay.

Văn hóa ẩm thực, mặc dù văn hóa ẩm thực được đánh giá là yếu tố quan trọng song ngành Du lịch ở các địa phương ĐBSCL chưa khai thác hết những nét đặc sắc của văn hóa ẩm thực dân tộc để

thu hút du khách. Hoạt động khai thác văn hóa ẩm thực chưa được tiến hành một cách có hệ thống, chưa mang tính đặc thù riêng mà chỉ thường được lồng ghép trong các hoạt động xúc tiến du lịch nói chung. Hiện nay, ngoài lễ hội bánh dân gian Nam Bộ được tổ chức hàng năm ở thành phố Cần Thơ, thì văn hóa ẩm thực của từng địa phương chưa được quảng bá sâu rộng mà chỉ được giới thiệu, xuất hiện một cách mờ nhạt ở một số khu, điểm du lịch hay các khu chợ đêm. Vì vậy, tính đồng bộ, tính bền vững và mỹ thuật không cao, diễn biến phức tạp dẫn đến gây nhiều khó khăn trong việc quản lý, nhất là vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm. Vai trò của văn hóa ẩm thực từ đó bị xem nhẹ, chưa có chủ trương, kế hoạch chiến lược cụ thể trong triển khai thực hiện.

Những hạn chế nêu trên trong thời gian qua, đã làm cho việc phát huy giá trị DSVH phi vật thể trong hoạt động du lịch ở vùng ĐBSCL chưa tương xứng với tiềm năng.

3.4 Một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả DSVH phi vật thể tại địa phương trong phát triển du lịch ở ĐBSCL

Những quan điểm, tầm nhìn và giải pháp khai thác các DSVH phi vật thể trong phát triển du lịch đã được đề cập đến trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Đề án phát triển du lịch ĐBSCL đến năm 2020 và Đề án phát triển sản phẩm du lịch đặc thù ĐBSCL. Theo đó, các sản phẩm du lịch văn hóa bao gồm văn hóa phi vật thể là một trong những sản phẩm du lịch chủ yếu của vùng, góp phần vào sự phát triển du lịch của ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

Để phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch là các DSVH phi vật thể vùng ĐBSCL cần có các giải pháp mang tính đồng bộ. Các giải pháp này bao gồm:

Thứ nhất, môi trường sông nước đặc trưng của ĐBSCL đã góp phần hình thành nên hệ thống chợ nổi phong phú. Để tạo nên tính cạnh tranh giữa các chợ nổi thì mỗi nơi phải xây dựng cho mình các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với chợ nổi của địa phương và làm đa dạng hoạt động của du khách trong hành trình tham quan chợ nổi. Xây dựng nhà hàng nổi phục vụ nhu cầu ăn uống cho du khách nhưng cần phải sạch sẽ, thoáng mát và đảm bảo vệ sinh; đầu tư xây dựng khu bán hàng lưu niệm với các sản phẩm thủ công đặc trưng của địa phương. Chẳng hạn ở chợ nổi Cái Răng có thể bày bán một số mặt hàng thủ công như: mô hình chợ nổi, nhà

cổ, bến Ninh Kiều, cầu Cần Thơ thu nhỏ,... Thêm vào đó, mỗi chợ nổi chỉ gắn với một chương trình du lịch để làm thành tour trọn gói nhằm kéo dài thời gian tham quan, tránh sự nhàm chán cho du khách và mang lại hiệu quả trong khai thác du lịch của vùng. Song song là vấn đề quy hoạch, quản lý, gìn giữ môi trường chợ nổi, đặc biệt là cần đầu tư xây dựng hệ thống nhà vệ sinh phục vụ cho dân địa phương cũng như khách du lịch để giữ gìn vẻ mỹ quan cũng như giá trị văn hóa vốn có của chợ nổi ĐBSCL.

Thứ hai, lựa chọn các lễ hội thích hợp về nội dung, quy mô và sự thuận tiện cho du khách để xây dựng thành sản phẩm du lịch phục vụ du khách đến tham quan, chiêm bái, hành lễ nhưng phải chú ý tránh làm mất đi giá trị nguyên bản của lễ hội. Xây dựng tour du lịch tâm linh với sản phẩm là lễ hội, đồng thời có sự kết hợp với các loại hình du lịch khác dựa trên nguyên tắc nguyên vẹn và những lợi thế du lịch của địa phương nơi diễn ra lễ hội. Có thể xây dựng chương trình tour vừa đáp ứng vấn đề tín ngưỡng (đi lễ) và sinh hoạt văn hoá (đi thăm các danh thắng và di tích lịch sử), cùng nhu cầu mua sắm hàng hóa, vừa đi thăm và thưởng thức các sản phẩm văn hoá ở làng nghề và ẩm thực. Bên cạnh đó, công tác quảng bá về lễ hội cần được thông tin sớm và rộng rãi.

Thứ ba, xây dựng và đưa các làng nghề truyền thống vào trong các chương trình du lịch. Phục dựng và tái hiện không gian truyền thống của làng nghề cùng với các phương thức sản xuất truyền thống nhằm tạo sự thu hút du khách. Chú trọng việc tạo điều kiện cho du khách tham gia vào các công đoạn sản xuất để tăng tính hấp dẫn của làng nghề. Đa dạng hóa các sản phẩm của làng nghề, chú trọng những sản phẩm phục vụ cho mục đích du lịch, sử dụng nguyên liệu địa phương, mang dấu ấn của địa phương. Chẳng hạn như các nghề thủ công chế tác từ dừa của Bến Tre hay một số địa phương khác. Những sản phẩm như đồ mỹ nghệ, đồ gia dụng: giỏ tích, đĩa, thìa, các sản phẩm thủ công... từ thân, xơ, lá, sọ... của cây dừa là một lợi thế độc đáo. Các quy trình công nghệ làm kẹo, dầu, đường... từ cùi và nước dừa là một nhóm sản phẩm thứ hai vừa có thể cho du khách chiêm ngưỡng, tham quan vừa là đặc sản để du khách mua làm quà lưu niệm.

Thứ tư, tập trung công tác nghiên cứu phục vụ các loại hình nghệ thuật, đặc biệt là các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống như Rô băm, Dù Kê, Cải Lương, Hồ Quảng... Kết hợp đưa loại hình nghệ thuật điển hình như Đờn ca tài tử

vào các tour du lịch để du khách thưởng thức và cảm nhận các giá trị văn hóa từ các loại hình nghệ thuật của địa phương. Đồng thời kết hợp với hoạt động tham quan, tìm hiểu các di tích liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống. Kết hợp giao thoa giữa tính truyền thống và hiện đại để làm mới cho các loại hình nghệ thuật, tạo sự hấp dẫn và dễ gần với du khách.

Thứ năm, với ẩm thực, ngoài việc đáp ứng nhu cầu ăn uống cho du khách mà thông qua ẩm thực họ còn có thể tìm hiểu thêm về văn hóa địa phương. Ví dụ trong các chương trình tour du lịch mùa nước nổi ở ĐBSCL nên đưa các món ăn đặc sản như lẩu mắm cá linh, bánh xèo bông điên điển, canh chua cá linh,... vào thực đơn cho du khách. Vì vậy, biến ẩm thực thành các sản phẩm độc đáo trong các tour du lịch là cần thiết nhằm gia tăng tính hấp dẫn cho du lịch địa phương. Để làm được điều này, cần tổ chức các chương trình ẩm thực thường xuyên tại các khu, điểm du lịch nổi tiếng hay tại các lễ hội có sức thu hút khách để giới thiệu và quảng bá ẩm thực địa phương với du khách. Song song đó, xây dựng thực đơn theo hướng có đầy đủ các món đặc sản ở địa phương và gắn với các dân tộc sinh sống trên địa bàn theo hướng chuyên biệt hoặc kết hợp theo nhu cầu của du khách.

Thứ sáu, trên cơ sở đặc điểm giá trị của các DSVH phi vật thể tại địa phương, cần phát triển các loại hình du lịch tương ứng, đồng thời tạo sự kết nối, liên thông giữa các DSVH phi vật thể thành các điểm trên cùng một tuyến du lịch. Điều này vừa phát huy được giá trị của di sản vừa tạo nên sự phong phú về sản phẩm du lịch, tăng sự hấp dẫn cho du khách. Bên cạnh đó, cần phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ nhằm tạo thuận lợi cho du khách. Các dịch vụ cũng cần thể hiện bản sắc của vùng, tạo được ấn tượng với du khách. Tạo điều kiện để người dân tham gia các dịch vụ trên, phát triển loại hình du lịch homestay gắn liền với môi trường cảnh quan sông nước.

4 KẾT LUẬN

Từ điều kiện tự nhiên và lịch sử xã hội đặc thù, ĐBSCL có một nguồn DSVH đặc sắc. Bên cạnh DSVH vật thể, DSVH phi vật thể vô cùng phong phú và đa dạng, đây chính là một bộ phận quý giá trong nguồn tài nguyên du lịch của vùng và của đất nước.

Để khai thác có hiệu quả DSVH phi vật thể trong hoạt động du lịch ở ĐBSCL, cần phải thực

hiện đồng bộ các giải pháp về xây dựng sản phẩm cho từng dạng tài nguyên, đồng thời kết hợp các tài nguyên du lịch văn hóa của địa phương để hình thành các chương trình du lịch đặc sắc. Bên cạnh đó, cần có những chính sách quy hoạch, quản lý, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Điều này không chỉ mang lại lợi ích cho ngành du lịch mà thông qua đó nguồn tài nguyên này được giới thiệu rộng rãi đến du khách trong và ngoài nước, được phát huy giá trị vốn có của mình. Hy vọng rằng, trong tương lai, các di sản này sẽ được khai thác có hiệu quả để thúc đẩy ngành du lịch của từng địa phương nói riêng, ĐBSCL nói chung ngày càng phát triển, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ái Lam. Chợ nổi Cái Răng phát triển theo định hướng sinh hoạt văn hóa gắn với du lịch. <http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=2041&id=155802>, truy cập ngày 18 tháng 10 năm 2015.
- Luật Di sản văn hóa (sửa đổi và bổ sung 2013). Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Kim Liên, 2014. Khai thác giá trị văn hóa phi vật thể để phát triển du lịch bền vững ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Phát triển nguồn lực du lịch tiểu vùng sông Mê Kông”. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông. Thành phố Hồ Chí Minh, 347-354.
- Nguyễn Xuân Hồng, 2009. Phác họa về lễ hội dân gian/truyền thống của người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Di sản Văn hóa số 2 (27), 61-63.
- Ngô Đức Thịnh, 2010. Khám phá ẩm thực truyền thống Việt Nam. Nhà xuất bản Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, 435 trang.
- Trần Văn Linh. Khách du lịch quốc tế đến Đồng bằng sông Cửu Long tăng hơn 14%. <http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/14324>, truy cập ngày 30 tháng 11 năm 2015.
- Tổng cục Du lịch, 2011. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch. Hà Nội.
- Tổng cục Du lịch, 2010. Đề án phát triển du lịch Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch. Hà Nội.
- Tổng cục Du lịch, 2015. Đề án phát triển sản phẩm du lịch đặc thù vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội.